

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **18/2023/HNGĐ – ST**

Ngày: 28/6/2023

V/v: *Ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Long.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Y Nik Êban.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà Hương – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 133/2023/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 04 năm 2023; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 22/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 08/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Thôn D, xã X huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Lưu Văn N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn D, xã X huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Lưu Văn N sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/09/2007. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh N không tu chí làm ăn, nghiện ma túy, không chăm lo cho gia đình và con cái, Chị H và gia đình đã động viên góp ý nhưng anh N

vẫn không sửa đổi. Từ tháng 12/2018 anh N bị bắt và đi chấp hành án 17 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy. Đến nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: chị H và anh N có 03 con chung là Lưu Văn Thái B, sinh ngày 03/08/2008; Lưu Văn L, sinh ngày 25/04/2011 và Lưu Nguyễn Thiên N1, sinh ngày 08/08/2016. Hiện nay, con chung đang sống cùng với chị H, do anh N đang chấp hành án phạt tù nên sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả 3 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa Án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 28/4/2023 bị đơn anh Lưu Văn N trình bày thống nhất với ý kiến của chị H về thời gian điều kiện kết hôn cũng như thực trạng đời sống vợ chồng. Anh N xác định hiện nay vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng do từ năm 2018 đến nay anh N đang chấp hành án 17 năm tù, trong thời gian này chị H có quan hệ tình cảm với người khác nên anh N không đồng ý ly hôn với chị H;

Về con chung: anh N thống nhất như lời trình bày của chị H vợ chồng có 03 con chung là Lưu Văn Thái B, sinh ngày 03/08/2008; Lưu Văn L, sinh ngày 25/04/2011 và Lưu Nguyễn Thiên N1, sinh ngày 08/08/2016. Hiện nay, con chung đang sống cùng với chị H. Nguyện vọng của anh N đồng ý giao cả 3 con chung cho chị H nuôi dưỡng vì hiện nay anh N đang chấp hành án dài hạn nên không có đủ điều kiện để chăm sóc con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn không yêu cầu hòa giải. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên Tòa án đã phân tích động viên Chị H khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ, song chị H kiên quyết giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh N và xin được trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của chị H, anh N kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định. Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với anh Lưu Văn N, đơn khởi kiện của chị H được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, được quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lưu Văn N vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về Hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lưu Văn N tự nguyện về sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 18/09/2007, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và lối sống nên chị H xin ly hôn. Về phía anh N cũng thừa nhận hiện nay vợ chồng đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng nhưng không đồng ý ly hôn. Song quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích động viên chị H khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở. HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[3]. Về con chung: Chị H và anh N có ba con chung là Lưu Văn Thái B, sinh ngày 03/08/2008; Lưu Văn L, sinh ngày 25/04/2011 và Lưu Nguyễn Thiên N1, sinh năm: 08/08/2016. Chị H có nguyện vọng xin được nuôi cả 3 con chung. Xét thấy Nguyện vọng của chị H là hoàn toàn tự nguyện, chính đáng, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các con chung là Lưu Văn Thái B; Lưu Văn L và Lưu Nguyễn Thiên N1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra để giải quyết

[4]. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Khanh giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lưu Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung Lưu Văn Thái B, sinh ngày 03/08/2008; Lưu Văn L, sinh ngày 25/04/2011 và Lưu Nguyễn Thiên N1, sinh ngày 08/08/2016 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Anh Lưu Văn N được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh N không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2022/0000906, ngày 30/3/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- UBND xã Xuân Phú, huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Hoàng Long

